

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 277/2019/DS-PT

Ngày: 09/10/2019

V/v: yêu cầu mở lối đi qua

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Bà Hồ Thị ThA Thúy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kh1 – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ S Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công Kh1i vụ án thụ lý số: 245/2019/TLPT-DS ngày 09/8/2019 về yêu cầu mở lối đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện GT bị Kh cáo.

Tho Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2019/QĐ-PT ngày 03/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ph, sinh năm: 1964, ông Lê Văn Nghiệp A, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Bị đơn:

* Ông Võ Văn Kh, sinh năm: 1954;

Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

* Người đại diện Tho ủy quyền của ông Kh: Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (có mặt).

* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1964;

Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

* Người đại diện Tho ủy quyền của ông S: Bà Lê Thị S1, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Kh1, sinh năm: 1953; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp 3, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

3. Ông Đặng Văn H2, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân L Thạnh, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

4. Ông Đặng Văn H3; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

5. Ông Đỗ Trung T1, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1966; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

7. Ông Đặng Văn L, sinh năm: 1977 (Xin vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1978 (Xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre

9. Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

* Người đại diện Tho ủy quyền của bà T: Ông Huỳnh Minh T2, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Ấp 3, xã Hưng Phong, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

10. Bà Lê Thị S1, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

- *Người Kh cáo:* Bà Đặng Thị T, bà Lê Thị S1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tho nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn là bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A trình bày: Bà Lê Thị Ph có đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 185, tờ bản đồ 20, diện tích 7997,4m², và ông Lê Văn Nghiệp A có đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ 20, diện tích 3.436m² cùng tọa lạc tại ấp 1, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Các phần đất của nguyên đơn nằm phía sau phần đất của ông Võ Văn Kh và ông Nguyễn Văn S. Gia đình của các nguyên đơn muốn đi ra lộ công cộng thì phải qua đất của ông Kh, ông S và phải qua nhiều thửa đất của nhiều hộ dân khác gồm đất của Nguyễn Văn H1, Võ Thị Kh1, Võ Văn Thái, Đặng Văn H2, Đặng Văn H3, Đỗ Trung T1, Nguyễn văn Th. Ông H1, bà Kh1, ông Thái, ông H2, ông H3, ông T1, ông Th đều đi chung trên con đường này nhưng những hộ này chỉ đi vào phần đất của họ và những hộ này vẫn cho đi ra bình thường, chỉ có hộ ông

Kh và ông S ngăn cản không cho bà Ph và ông Nghiệp A đi ra lộ công cộng trên đường đi ngang đất này. Đường đi này đã có từ rất lâu khoảng trên 10 năm, tất cả các hộ dân đều đi trên lối đi này, diện tích lối đi có chiều ngang khoảng 1,5 mét, có chiều dài khoảng 178 mét. Năm 2015, ông S và ông Kh có mâu thuẫn nên ông Kh không cho đi trên lối đi này nữa và mở lối đi mới trên phần đất của ông Kh và xây cầu trên đất của ông S để đi ra lộ công cộng và không cho các hộ dân ở phía trong đi trên lối đi mới mở này. Còn phần đất của ông S, ông S đào mô đất trồng cây, đào cắt đường nên không cho các hộ gia đình phía trong ra lộ công cộng trong đó có gia đình của bà Ph và gia đình ông Nghiệp A không đi ra lộ công cộng được trên con đường đi cũ có từ trước. Bà Ph và ông Nghiệp A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông Nguyễn Văn Kh và ông Nguyễn Văn S mở lối đi có diện tích là 60,6m² thuộc một phần thửa 155, lối đi có diện tích 106m² thuộc một phần thửa 193, cùng tờ bản đồ số 20 do ông Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lối đi có diện tích là 109m² thuộc một phần thửa 45 cùng tờ bản đồ số 20 do ông S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ấp 1 xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Bà Ph và ông Nghiệp A có yêu cầu được bắt lại cây cầu qua hai phần đất này, cây cầu có chiều ngang là 1,5m và chiều dài khoảng 6m; còn phần lối đi trên phần đất của gia đình ông S hiện tại gia đình ông S đã xấn đất hai bên, chỉ còn lại một phần đất rất nhỏ, chỉ đi bộ không thể chạy xe được. Vì vậy, yêu cầu gia đình ông S cho mở lối đi chiều ngang 1,5m, chiều dài khoảng hơn 100m.

Bị đơn là ông Võ Văn Kh và người đại diện Tho ủy quyền của ông Kh và cũng là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị T trình bày: Trước đây gia đình ông Kh và bà T có cho hộ gia đình bà Ph và các hộ dân có đất ở phía trong đất của gia đình ông Kh mở lối đi qua đất của gia đình ông bà để đi ra lộ công cộng. Lối đi này gia đình bà Ph và ông Nghiệp A đã sử dụng từ cuối năm 2015 thì gia đình bà Ph thường xuyên gây thiệt hại về cây trồng trên đất của gia đình bà. Con bà Ph phá bưởi và chôm chôm của gia đình ông Kh và bà không cho gia đình bà Ph đi trên phần đất của gia đình bà nữa. Gia đình bà đã tự làm đường mới trên đất của gia đình bà và xây cầu ngang đất của ông S nhưng gia đình bà không cho gia đình bà Ph đi trên lối đi mới này vì gia đình bà Ph thường xuyên phá hoa màu trên đất. Tho yêu cầu của các nguyên đơn, ông Kh và bà không đồng ý cho mở lại lối đi cũ. Bà T cho rằng lối đi này hiện tại gia đình bà Ph vẫn sử dụng đi nhưng chỉ đi bộ chứ không thể đi xe được nhưng gia đình bà sẽ không cho gia đình bà Ph sử dụng phần lối đi cũ trên đất của gia đình bà nữa. Hiện tại gia đình bà đồng ý mở lối đi khác cho bà Ph ra lộ công cộng cũng ngang qua một phần đất của bà đến đất của ông Đặng Văn L ra lộ công cộng. Lối đi mới thuận tiện hơn vì chỉ qua có 02 thửa đất của 02 hộ chiều dài khoảng 100m, lối đi này qua đất của ông L hiện tại cũng có 02 hộ đi trên lối đi này là hộ ông Nguyễn Thanh Phong và hộ bà Đặng Thị Ph.

Đồng bị đơn là ông Nguyễn Văn S và người đại diện Tho ủy quyền của ông S và cũng là người có quyền và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị S1 trình bày: Trước đây hộ gia đình bà Ph và gia đình ông Nghiệp A và một số hộ gia đình khác nằm ở phía trong phần đất của gia đình bà, bà cho đi ra lộ công cộng bằng lối đi cũ ngang qua phần đất của bà và qua phần đất của gia đình ông Kh nhưng do gia đình bà Ph đi ngang qua chặt phá cây trái, hoa màu của gia đình bà, gây thiệt hại về kinh tế nên gia đình bà không cho gia đình bà Ph đi ngang qua đất của gia đình bà nữa. Lối đi mà các nguyên đơn khởi kiện đi qua phần đất của bà đó chỉ là lối đi tạm thời do Ủy ban nhân dân xã LM động viên cho các nguyên đơn đi tạm chứ gia đình bà không đồng ý cho các nguyên đơn đi trên lối đi này nữa. Gia đình bà đồng ý cho đi qua phần dưới mương ranh giữa đất của gia đình bà và phần mương của ông Kh, khi đó, phía nguyên đơn phải bơm cát mương ranh làm đường đi vĩnh viễn chứ không đồng ý cho đi trên phần đất vườn của gia đình bà vì gia đình bà đã trồng bưởi, trồng chA đã phủ kín lối đi không còn là lối đi nữa. Do gia đình bà Ph đi ngang qua đất của bà phá hoại cây trái hoa màu nên bà không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện GT đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án số 64/2019/DS-ST ngày 06/6/2019 Tòa án nhân dân huyện GT, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận T1 bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A về việc yêu cầu hộ ông Võ Văn Kh và hộ ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ mở lối đi trên phần đất thuộc thửa 1/155, lối đi có diện tích 60,6m²; và trên phần đất thuộc thửa 1/169, diện tích 57,9m² cùng tờ bản đồ số 20 do ông Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lối đi có diện tích là 109m² thuộc 1/ thửa 145, tờ bản đồ số 20 do ông S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc hộ ông Võ Văn Kh và bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ mở cho bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A lối đi qua các thửa đất hiện do hộ ông Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

2.1. Lối đi trên phần đất diện tích là 57,9m² thuộc thửa 1/169 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre, có hình hơi cong một đầu từ điểm 1-2 có chiều ngang là 1,64m, chiều dài cạnh 2-3 là 2,3m; cạnh 3-4 là 4,15m; cạnh 4-5 là 4,75m; cạnh 5-6 là 9,09m; cạnh 6-7 là 5,58m; cạnh 7-8 là 7,35m; cạnh 8-9 là 4,96m; một đầu có chiều ngang 9-10 là 1,55m. Các cạnh còn lại có chiều dài

là cạnh 10-11 là 4,65m; cạnh 11-12 là 6,61m; cạnh 12-13 là 6,46m; cạnh 13-14 là 9,25m; cạnh 14-15 là 8,82m; cạnh 15-1 là 2,43m.

2.2. Lối đi trên phần đất diện tích $60,6m^2$ thuộc thửa 1/ 155 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre, có hình hơi cong (góc vuông) một đầu từ điểm 1-2 có chiều ngang 1,56m, chiều ngang cạnh 2-3 là 3,01m; chiều dài cạnh 3-4 là 8,14m; chiều dài cạnh 4-5 là 25,56m; chiều dài cạnh 5-6 là 2,58m, chiều ngang cạnh 6-7 là 1,48m; chiều dài cạnh 7-8 là 2,25m; chiều dài cạnh 8-9 là 24,14m; chiều dài cạnh 9-10 là 8,59m; chiều dài cạnh 10-11 là 1,32m; chiều dài cạnh 11-1 là 3,21m.

2.3. Buộc ông Kh và bà T phải cho ông Nghiệp A và Ph bắt cầu và xây dựng cây cầu bằng đan trên phần đất của ông Kh, bà T thửa 1/155 tờ bản đồ số 20, diện tích $4,7m^2$, cầu có chiều ngang một đầu tiếp giáp với đất của ông Đặng Văn H2 (thửa 1/146) là 1,56m, chiều dài 3,01m.

Ghi nhận ông Đặng Văn H2 đồng ý cho bà Ph, ông Nghiệp A xây cầu trên thửa đất số 1/146, tờ bản đồ số 20, có diện tích $5,4m^2$ có chiều ngang một đầu là 1,56m, chiều dài 3,39m tiếp giáp với đất của ông Kh (thửa 1/155).

3. Buộc hộ ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 phải có nghĩa vụ mở cho bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A cụ thể như sau:

Lối đi trên phần đất diện tích là $100,9m^2$ thuộc thửa 1/145 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre, lối đi có hình hơi cong một đầu, có các cạnh từ điểm 1-2 là 3,12m, chiều dài cạnh 2-3 là 5,44m; cạnh 3-4 là 5,26m; cạnh 4-5 là 12,49m; cạnh 5-6 là 13,64m; cạnh 6-7 là 24,06m; cạnh 7-8 là 2,47m; cạnh 8-9 là 1,53m; cạnh 9-10 là 2,43m; chiều dài là cạnh 10-11 là 24,15m; cạnh 11-12 là 13,81m; cạnh 12-13 là 12,25m; cạnh 13-14 là 5,22m; cạnh 14-15 là 5,44m; cạnh 15-16 là 2,87m; cạnh 16-1 là 1,05m.

4. Ghi nhận các chủ đất khác còn lại phải mở lối đi là ông Võ Thị Kh1, ông Nguyễn Văn H1, ông Đặng Văn H2, ông Đặng Văn H3, ông Đỗ Trung T1, ông Nguyễn Văn Th đồng ý mở các lối đi cụ thể có kèm Tho cho bà Ph và ông Nghiệp A ra lộ công cộng.

Trên các phần đất mở lối đi gồm có các cây cầu bắc ngang phần đất của ông Nguyễn Văn S và giáp đầu đất của ông Đặng Văn H3 là mặt cầu đal diện tích $7,7m^2$; đà ngang thể tích $0,066m^3$; trụ: $0,15m \times 0,15 \times 2m \times 2$ cái.

Cầu nằm ngang giữa đất của bà Võ Thị Kh1 qua đất của có đà dọc 1 thể tích $4,7m \times 0,15m \times 0,15m \times 2$ cái; đà dọc 2: thể tích $2,45m \times 0,15m \times 0,15m$; đà dọc 3: thể tích $2,55m \times 0,15m \times 0,15$; đà dọc 4: thể tích $2,3m \times 0,15m \times 0,15m$; đà ngang : thể tích $0,9m \times 0,2m \times 0,2m \times 2$ cái; trụ: $2m \times 0,15m \times 0,15m$.

Đan bê tông không cốt thép nằm trên một phần đất của ông Võ Văn Kh có diện tích $10,2m \times 1,3m$.

Cầu giữa đất của ông Võ Văn Kh và đất của ông Võ Văn Thái (đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn T1) là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $6,5m \times 1,25m = 8,125m^2$; đà dọc: $6,5 \times 0,75m \times 2$ cái; đà ngang: $0,15m \times 0,2m \times 1,25m$; trụ: $0,15m \times 0,15m \times 2m$.

Cầu giữa đất của bà Võ Thị Kh1 và đất của ông Võ Văn Kh: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $7m \times 1,25m = 8,75m^2$; đà dọc: $7 \times 2,2m \times 0,35m \times 2$ cái; đà ngang: $0,25m \times 0,2m \times 1,15m \times 2$ cái; trụ: $0,15m \times 0,15m \times 2m$

Cầu giữa đất của ông Võ Văn Kh và đất của ông Nguyễn Văn H1: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $7,3m \times 1,25m = 9,125m^2$; đà dọc: $7,3m \times 0,2m \times 0,35m \times 2$ cái; đà ngang: $1,25m \times 0,15m \times 2m \times 2$ cái; trụ: $2m \times 0,15m \times 2m \times 2$ cái.

Cầu nằm giữa đất ông Nguyễn Văn H1: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $6m \times 1,25m = 7,5m^2$; đà dọc: $0,6m \times 0,2m \times 0,35m \times 2$ cái; đà ngang: $1,25m \times 0,15m \times 2m \times 2$ cái; trụ: $2m \times 0,15m \times 0,15m \times 2$ cái.

Cầu nằm giữa đất ông Nguyễn Văn H1: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $7m \times 1,25m = 8,75m^2$; đà dọc: $7m \times 0,2m \times 0,35m \times 2$ cái; đà ngang: $1,25m \times 0,15m \times 2m \times 2$ cái; trụ: $2m \times 0,15m \times 0,15m \times 2$ cái.

Cầu giữa đất của ông Nguyễn Văn H1 và đất của bà Lê Thị Ph: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $8,5m \times 1,25m = 10,625m^2$; đà dọc: $8,5m \times 0,2m \times 0,35m \times 2$ cái; đà ngang: $1,25m \times 0,15m \times 2m \times 2$ cái; trụ: $2m \times 0,15m \times 2m \times 2$ cái.

Đan bê tông cốt thép: $1,8m \times 1,9m = 3,42m^2$.

Giếng nằm trên đất của ông Võ Văn Kh: $3,14m \times 0,35m \times 2,1m = 0,808m^3$.

Hàng rào trên đất của ông Võ Văn Kh: trụ bê tông cốt thép đúc sẵn; lưới B40: $1,6 \times 1,7 = 2,72m^2$.

Ngoài ra trên phần đất dành lối đi này không có hoa màu nên khi mở lối đi này không gây thiệt hại cho phía bị đơn.

(Có họa đồ thừa đất kèm Tho là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

5. Buộc bà Lê Thị Ph và A Nghiệp A có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Võ Văn Kh, bà Lê Thị T số tiền 6.517.500 đồng (S1 triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng)

Buộc bà Lê Thị Ph và A Nghiệp A có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 số tiền 5.549.500 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án Tho mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn Kh, bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 đối với phần diện tích làm lối đi mà bà Lê Thị Ph và A Nghiệp A được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất.

Bà Lê Thị Ph và A Nghiệp A được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn Kh, bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 đối với phần lối đi được quyền sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Bà Lê Thị Ph và A Nghiệp A có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng đất hạn chế đối với phần lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 100,9m² thuộc một phần thửa 145, tờ bản đồ số 20 của ông S, bà S1. Phần lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 57,9m² thuộc một phần thửa 169, tờ bản đồ số 20 và phần lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 60,6m² thuộc một phần thửa 155, tờ bản đồ số 20 của ông Kh, bà T, tọa lạc tại ấp Linh Long, xã LM, huyện GT.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền Kh cáo của các đương sự.

Ngày 19/6/2019 bà Đặng Thị T và bà Lê Thị S1 Kh cáo T1 bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, bà Ph và ông Nghiệp A giữ yêu cầu khởi kiện, bà T và bà S1 giữ Kh cáo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc tuân Tho pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng Tho pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa; xét Kh cáo của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A yêu cầu ông Nguyễn Văn Kh và ông Nguyễn Văn S mở lối đi có diện tích là 60,6m² thuộc một phần thửa 155, lối đi có diện tích 106m² thuộc một phần thửa 193, cùng tờ bản đồ số 20 do ông Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lối đi có diện tích là 109m² thuộc một phần thửa 45 cùng tờ bản đồ số 20 do ông S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ấp 1 xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Bị đơn không đồng ý

với yêu cầu của nguyên đơn vì cho rằng cây trái, hoa màu trên đất bị phá hoại và nguyên đơn còn có lối đi khác để ra lộ công cộng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 19/9/2019, các bên đương sự yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để xem xét, thẩm định lại lối đi khác và cây trồng trên lối đi mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Tho kết quả của Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2019 thì phần lối đi qua đất của bà Lê Thị S1 không có cây trồng hay tài sản gì trên đất. Trên phần lối đi qua đất của bà Đặng Thị T không có cây trồng hay tài sản gì trên đất nhưng có một số cây trồng có nhánh de ra phần không gian của lối đi, cụ thể là:

04 cây bưởi da xanh trên 06 năm tuổi;

01 cây chanh trên 03 năm tuổi;

04 cây dừa trên 06 năm tuổi, chiều cao khoảng 06 mét.

[3] Đại diện Tho ủy quyền của bà Đặng Thị T là anh Huỳnh Minh T2 cho rằng bản án sơ thẩm có nhiều vi phạm, cụ thể: Tòa án sơ thẩm tổng đạt bản án cho đương sự nhưng sau đó lại thu hồi và đổi sang một bản án khác. Qua kiểm tra, đối chiếu thì HĐXX thấy rằng nội dung của bản án mà cấp sơ thẩm tổng đạt cho đương sự lần thứ nhất và lần thứ hai về cơ bản là như nhau. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm đối với thiếu sót này. Anh T2 cho rằng bản án sơ thẩm tuyên việc bắc cầu qua đất là vượt quá phạm vi yêu cầu. Trên thực tế, các cây cầu được bắc qua phần đất mà các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi và việc bắc cầu là cần thiết để ra lộ công cộng nên bản án sơ thẩm tuyên việc bắc cầu là phù hợp, không vượt quá yêu cầu khởi kiện. Anh T2 cho rằng cấp sơ thẩm bỏ sót tư cách tố tụng khi không đưa bà Nga vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, bà Nga và ông H2 đã chấm dứt hôn nhân, mặc dù các bên chưa giải quyết về tài sản chung nhưng ông H2 đã tự nguyện cho các nguyên đơn đi qua một phần trên đất nên không cần thiết phải đưa bà Nga vào tham gia tố tụng.

[4] A Huỳnh Minh T2 có đơn yêu cầu xác minh lối đi qua thửa đất số 192 của ông Đặng Văn L, đây cũng là nội dung trong đơn đề nghị Tòa án xem xét, thẩm định lại lối đi của bà T. Yêu cầu này của đương sự đã được Tòa án xác minh rõ trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2019.

[5] Bà T cho rằng các nguyên đơn có thể mở lối đi khác ngang qua đất của bà đến đất của ông Đặng Văn L. Tho Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2019 thì lối đi bà T đề xuất cụ thể như sau: Các nguyên đơn đi qua thửa đất số 193 của bà T có chiều dài khoảng 70 mét, sau đó đi qua thửa đất số 192 của ông Đặng Văn L có chiều dài khoảng 100 mét, tiếp đến là lộ công cộng. Tuy nhiên, ông Đặng Văn L không đồng ý cho các nguyên đơn đi qua đất để ra lộ công cộng. Nếu mở lối đi như bà T đề xuất thì chỉ có gia đình bà Ph đi được ra lộ công cộng, còn các hộ dân khác ở phía trong vẫn phải sử dụng lối đi đang trA chấp. Do đó, lối đi mà bà T đề xuất là không phù hợp với thực tế.

[6] Tho họa đồ hiện trạng sử dụng đất thì phần đất mà gia đình bà Ph, ông Nghiệp A đang sử dụng nằm phía trong và bị vây bọc bởi các thửa đất khác. Muốn ra lộ công cộng thì gia đình bà Ph phải đi qua đất của ông Kh, ông S, ông H1, bà Kh1, ông Thái, ông H2, ông H3, ông T1. Các hộ khác đều đồng ý cho gia đình bà Ph đi qua đất để ra lộ công cộng, tuy nhiên ông Kh và ông S không đồng ý cho đi. Tho xác minh của tòa án cấp sơ thẩm thì lối đi mà nguyên đơn yêu cầu đã có từ rất lâu, khoảng trên 30 năm. Ngoài gia đình bà Ph thì còn có nhiều hộ dân khác sử dụng lối đi này hàng ngày. Trước đây, ông Kh và bà T đồng ý nên gia đình bà Ph đã bỏ tiền ra xây dựng cầu bê tông như hiện tại. Trên lối đi qua đất bà T thì bà Ph đã xây dựng 03 cây cầu bê tông có chiều dài 06 mét, chiều ngang 1,2 mét rất kiên cố. Tho kết quả của Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2019 thì phần lối đi qua đất của bà Lê Thị S1 không có cây trồng hay tài sản gì trên đất. Trên phần lối đi qua đất của bà Đặng Thị T không có cây trồng hay tài sản gì trên đất. Do đó, đây là lối đi thuận tiện, hợp lý nhất và ít gây thiệt hại nhất cho các chủ đất. Đồng thời, đây cũng là lối đi chung hợp lý nhất cho các hộ dân đang sử dụng lối đi này. Do đó, lối đi mà nguyên đơn yêu cầu mở là phù hợp. Trên phần lối đi qua đất của bà Đặng Thị T có một số cây trồng có nhánh de ra phần không gian của lối đi. Để lối đi được thông thoáng và đảm bảo quyền L cho gia đình bà T thì cần buộc bà Ph và ông Nghiệp A bồi thường giá trị cây trồng cho bà T Tho giá mà Hội đồng định giá đã xác định. Cụ thể:

04 cây bưởi da xanh trên 06 năm tuổi trị giá 2.000.000 đồng/cây, thành tiền là 8.000.000 đồng; 01 cây chanh trên 03 năm tuổi trị giá 200.000 đồng. Đối với 04 cây dừa có tàu de ra trên lối đi nhưng các cây dừa này có chiều cao 06 mét nên việc các nguyên đơn đi qua đất sẽ không ảnh hưởng đến sự phát triển của cây dừa. Do đó, tổng giá trị mà bà Ph và ông Nghiệp A phải thanh toán cho bà T là 8.200.000 đồng.

[7] Bản án sơ thẩm đã xem xét T1 bộ các chứng cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm như đã phân tích ở trên, Kh cáo của bà T, bà S1 không được chấp nhận.

[8] Ông Võ Văn Kh và bà Đặng Thị T là người cao tuổi nên ông Kh và bà T được miễn nộp án phí. Cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Kh, bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng là không phù hợp với Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Do đó, cấp phúc thẩm điều chỉnh nội dung này. Kh cáo của bà S1 không được chấp nhận nên bà S1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo bà Đặng Thị T và bà Lê Thị S1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 64/2019/DS-ST ngày 06/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện GT, sửa một phần bồi hoàn hoa màu trên đất. Tuyên xử:

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A về việc yêu cầu hộ ông Võ Văn Kh và hộ ông Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ mở lối đi trên phần đất thuộc thửa 1/155, lối đi có diện tích $60,6m^2$; và trên phần đất thuộc thửa 1/169, diện tích $57,9m^2$ cùng tờ bản đồ số 20 do ông Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.; Lối đi có diện tích là $109m^2$ thuộc một phần thửa 145, tờ bản đồ số 20 do ông S đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

2. Buộc hộ ông Võ Văn Kh và bà Đặng Thị T phải có nghĩa vụ mở cho bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A lối đi qua các thửa đất hiện do hộ ông Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể như sau:

2.1. Lối đi trên phần đất diện tích là $57,9m^2$ thuộc thửa 1/169 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre, có hình hơi cong một đầu từ điểm 1-2 có chiều ngang là 1,64m, chiều dài cạnh 2-3 là 2,3m; cạnh 3-4 là 4,15m; cạnh 4-5 là 4,75m; cạnh 5-6 là 9,09m; cạnh 6-7 là 5,58m; cạnh 7-8 là 7,35m; cạnh 8-9 là 4,96m; một đầu có chiều ngang 9-10 là 1,55m. Các cạnh còn lại có chiều dài là cạnh 10-11 là 4,65m; cạnh 11-12 là 6,61m; cạnh 12-13 là 6,46m; cạnh 13-14 là 9,25m; cạnh 14-15 là 8,82m; cạnh 15-1 là 2,43m.

2.2. Lối đi trên phần đất diện tích $60,6m^2$ thuộc thửa 1/ 155 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre, có hình hơi cong (góc vuông) một đầu từ điểm 1-2 có chiều ngang 1,56m, chiều ngang cạnh 2-3 là 3,01m; chiều dài cạnh 3-4 là 8,14m; chiều dài cạnh 4-5 là 25,56m; chiều dài cạnh 5-6 là 2,58m, chiều ngang cạnh 6-7 là 1,48m; chiều dài cạnh 7-8 là 2,25m; chiều dài cạnh 8-9 là 24,14m; chiều dài cạnh 9-10 là 8,59m; chiều dài cạnh 10-11 là 1,32m; chiều dài cạnh 11-1 là 3,21m.

2.3. Buộc ông Kh và bà T phải cho ông Nghiệp A và Ph bắt cầu và xây dựng cây cầu bằng đan trên phần đất của ông Kh, bà T thửa 1/155 tờ bản đồ số 20, diện tích $4,7m^2$, cầu có chiều ngang một đầu tiếp giáp với đất của ông Đặng Văn H2 (thửa 1/146) là 1,56m, chiều dài 3,01m.

Ghi nhận ông Đặng Văn H2 đồng ý cho bà Ph, ông Nghiệp A xây cầu trên thửa đất số 1/146, tờ bản đồ số 20, có diện tích $5,4m^2$ có chiều ngang một đầu là 1,56m, chiều dài 3,39m tiếp giáp với đất của ông Kh (thửa 1/155).

3. Buộc hộ ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 phải có nghĩa vụ mở cho bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A cụ thể như sau:

Lối đi trên phần đất diện tích là $100,9\text{m}^2$ thuộc thửa 1/145 tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại ấp LP, xã LM, huyện GT, tỉnh Bến Tre, lối đi có hình hơi cong một đầu, có các cạnh từ điểm 1-2 là 3,12m, chiều dài cạnh 2-3 là 5,44m; cạnh 3-4 là 5,26m; cạnh 4-5 là 12,49m; cạnh 5-6 là 13,64m; cạnh 6-7 là 24,06m; cạnh 7-8 là 2,47m; cạnh 8-9 là 1,53m; cạnh 9-10 là 2,43m; chiều dài là cạnh 10-11 là 24,15m; cạnh 11-12 là 13,81m; cạnh 12-13 là 12,25m; cạnh 13-14 là 5,22m; cạnh 14-15 là 5,44m; cạnh 15-16 là 2,87m; cạnh 16-1 là 1,05m.

4. Ghi nhận các chủ đất khác còn lại phải mở lối đi là ông Võ Thị Kh1, ông Nguyễn Văn H1, ông Đặng Văn H2, ông Đặng Văn H3, ông Đỗ Trung T1, ông Nguyễn Văn Th đồng ý mở các lối đi cụ thể có kèm Tho cho bà Ph và ông Nghiệp A ra lộ công cộng.

Trên các phần đất mở lối đi gồm có các cây cầu bắc ngang phần đất của ông Nguyễn Văn S và giáp đầu đất của ông Đặng Văn H3 là mặt cầu đal diện tích $7,7\text{m}^2$; đà ngang thể tích $0,066\text{m}^3$; trụ: $0,15\text{m} \times 0,15 \times 2\text{m} \times 2$ cái.

Cầu nằm ngang giữa đất của bà Võ Thị Kh1 qua đất của có đà dọc 1 thể tích $4,7\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2$ cái; đà dọc 2: thể tích $2,45\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m}$; đà dọc 3: thể tích $2,55\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15$; đà dọc 4: thể tích $2,3\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m}$; đà ngang : thể tích $0,9\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,2\text{m} \times 2$ cái; trụ: $2\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m}$.

Đan bê tông cốt thép nằm trên một phần đất của ông Võ Văn Kh có diện tích $10,2\text{m} \times 1,3\text{m}$.

Cầu giữa đất của ông Võ Văn Kh và đất của ông Võ Văn Thái (đã chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn T1) là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $6,5\text{m} \times 1,25\text{m} = 8,125\text{m}^2$; đà dọc: $6,5 \times 0,75\text{m} \times 2$ cái; đà ngang: $0,15\text{m} \times 0,2\text{m} \times 1,25\text{m}$; trụ: $0,15\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m}$.

Cầu giữa đất của bà Võ Thị Kh1 và đất của ông Võ Văn Kh: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $7\text{m} \times 1,25\text{m} = 8,75\text{m}^2$; đà dọc: $7 \times 2, \text{m} \times 0,35\text{m} \times 2$ cái; đà ngang: $0,25\text{m} \times 0,2\text{m} \times 1,15\text{m} \times 2$ cái; trụ: $0,15\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m}$

Cầu giữa đất của ông Võ Văn Kh và đất của ông Nguyễn Văn H1: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $7,3\text{m} \times 1,25\text{m} = 9,125\text{m}^2$; đà dọc: $7,3\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,35\text{m} \times 2$ cái; đà ngang: $1,25\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m} \times 2$ cái; trụ: $2\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m} \times 2$ cái.

Cầu nằm giữa đất ông Nguyễn Văn H1: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $6\text{m} \times 1,25\text{m} = 7,5\text{m}^2$; đà dọc: $0,6\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,35\text{m} \times 2$ cái; đà ngang: $1,25\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m} \times 2$ cái; trụ: $2\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2$ cái.

Cầu nằm giữa đất ông Nguyễn Văn H1: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $7\text{m} \times 1,25\text{m} = 8,75\text{m}^2$; đà dọc: $7\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,35\text{m} \times 2$ cái; đà ngang: $1,25\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m} \times 2$ cái; trụ: $2\text{m} \times 0,15\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2$ cái.

Cầu giữa đất của ông Nguyễn Văn H1 và đất của bà Lê Thị Ph: là mặt cầu bằng đan bê tông cốt thép: $8,5\text{m} \times 1,25\text{m} = 10,625\text{m}^2$; đà dọc: $8,5\text{m} \times 0,2\text{m} \times 0,35\text{m} \times 2$ cái; đà ngang: $1,25\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m} \times 2$ cái; trụ: $2\text{m} \times 0,15\text{m} \times 2\text{m} \times 2$ cái.

Đan bê tông cốt thép: $1,8\text{m} \times 1,9\text{m} = 3,42\text{m}^2$.

Giếng nằm trên đất của ông Võ Văn Kh: $3,14\text{m} \times 0,35\text{m} \times 2,1\text{m} = 0,808\text{m}^3$.

Hàng rào trên đất của ông Võ Văn Kh: trụ bê tông cốt thép đúc sẵn; lưới B40: $1,6 \times 1,7 = 2,72\text{m}^2$.

Ngoài ra trên phần đất dành lối đi này không có hoa màu nên khi mở lối đi này không gây thiệt hại cho phía bị đơn.

(Có họa đồ thừa đất kèm theo là một bộ phận không thể tách rời của bản án).

5. Buộc bà Lê Thị Ph và ông Nghiệp A có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Võ Văn Kh, bà Lê Thị T tiền giá trị đất là 6.517.500 đồng (S1 triệu năm trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng) và tiền trị giá cây trồng là 8.200.000 đồng, tổng cộng là 14.717.500 đồng. Chia phần cho mỗi người cụ thể: Bà Lê Thị Ph có nghĩa vụ bồi thường cho ông Võ Văn Kh và bà Lê Thị T số tiền là 7.358.750 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng), ông Lê Văn Nghiệp A có nghĩa vụ bồi thường cho ông Võ Văn Kh và bà Lê Thị T số tiền là 7.358.750 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 tiền giá trị đất là 5.549.500 đồng (Năm triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm đồng). Chia phần cho mỗi người cụ thể: Bà Lê Thị Ph phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 số tiền là 2.774.750 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng), ông Lê Văn Nghiệp A phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 số tiền là 2.774.750 đồng (Hai triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án Tho mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Tuyên bố hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn Kh, bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 đối với phần diện tích làm lối đi mà bà Lê Thị

Ph và ông Nghiệp A được quyền sử dụng, giới hạn chiều cao lối đi là 04m tính từ mặt đất.

Bà Lê Thị Ph và anh Nghiệp A được quyền sử dụng hạn chế quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn Kh, bà Lê Thị T; ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 đối với phần lối đi được quyền sử dụng và tuân thủ các điều kiện đảm bảo trong quá trình sử dụng đất của các bên mà pháp luật quy định.

Bà Lê Thị Ph và anh Nghiệp A có quyền đăng ký việc xác lập quyền sử dụng đất hạn chế đối với phần lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 100,9m² thuộc một phần thửa 145, tờ bản đồ số 20 của ông S, bà S1. Phần lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 57,9m² thuộc một phần thửa 169, tờ bản đồ số 20 và phần lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế là 60,6m² thuộc một phần thửa 155, tờ bản đồ số 20 của ông Kh, bà T, tọa lạc tại ấp Linh Long, xã LM, huyện GT.

7. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm là 1.500.000 đồng, bà Ph, ông Nghiệp A và bà T phải chịu mỗi người 500.000 đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn Kh và bà Đặng Thị T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị S1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Buộc bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 507.000 đồng. Do bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0016418 và 200.000 đồng Tho biên lai thu số 0016419 cùng đề ngày 29/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GT nên được khấu trừ. Bà Lê Thị Ph và ông Lê Văn Nghiệp A mỗi người phải nộp thêm là 307.000 đồng.

9. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị T được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Lê Thị S1 phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Tho biên lai thu số 0004190 ngày 21/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án Theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện GT;
- Chi cục THADS huyện GT;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Hồ Thị ThA Thúy

Huỳnh Ngọc Dũng